

Số: 258 /BC-UBND

Tây Ninh, ngày 14 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

**Về việc báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện
chính sách tiền lương trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.**

Thực hiện Công văn số 1156/BVHTTDL-TCCB ngày 28/3/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Số lượng cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

1.1. Cấp tỉnh:

Đơn vị sự nghiệp trực thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch: **10** đơn vị, trong đó có **07** đơn vị lĩnh vực văn hóa, **01** đơn vị lĩnh vực thể thao và **02** đơn vị lĩnh vực du lịch), cụ thể như sau:

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh: **02** đơn vị, gồm:

+ Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là **22** người.

+ Ban Quản lý các Khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là **13** người.

+ Trung tâm Giáo dục và Dịch vụ môi trường rừng thuộc Ban quản lý Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là **05** người.

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh: **07** đơn vị, gồm:

+ Đoàn Nghệ thuật tỉnh: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là **11** người.

+ Thư viện tỉnh: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là **25** người.

+ Bảo tàng tỉnh: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là **21** người.

+ Trung tâm Văn hóa tỉnh: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là 20 người.

+ Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là 12 người.

+ Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là 32 người.

+ Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch: số lượng người làm việc tính đến 31/12/2018 là 05 người.

1.2. Cấp huyện:

Đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao trên địa bàn huyện: 14 đơn vị, gồm: Thư viện huyện, Trung tâm Văn hóa và Thể thao.

2. Phân tích, đánh giá đặc điểm, tình hình của tỉnh gắn với thuận lợi, khó khăn khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với viên chức và người lao động làm việc trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

Việc thực hiện tiền lương theo mô hình thang, bảng, ngạch, bậc, hệ số đã áp dụng trong thời gian dài nên việc cải cách chính sách tiền lương bước đầu sẽ gặp nhiều khó khăn do phải thực hiện theo vị trí việc làm được phê duyệt, tạo nên tâm lý lo ngại của viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp về mức lương mới mà viên chức, người lao động được hưởng.

II. Thực trạng chức vụ, chức danh và tình hình thực hiện chính sách tiền lương (bao gồm lương và chế độ phụ cấp) đối với viên chức và người lao động làm việc trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

1. Các chức vụ lãnh đạo, quản lý và các loại phụ cấp hiện hưởng đối với các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

(Đính kèm phụ lục 1.1 đến 1.3)

2. Số lượng viên chức hưởng lương theo chức danh nghề nghiệp viên chức trong các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

(Đính kèm phụ lục 2.1 đến 2.6)

3. Quỹ tiền lương và các loại phụ cấp hiện hưởng trong các đơn vị sự nghiệp thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch

(Đính kèm phụ lục 3.1 đến 3.3)

4. Những vấn đề đặc thù liên quan đến chính sách, chế độ trong tiền lương, phụ cấp (ngạch lương, phụ cấp...)

Bộ máy hành chính nhà nước trước đây chưa được sắp xếp lại theo hướng gọn nhẹ, đa chức năng, có nơi còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, bố trí nhân lực chưa hợp lý trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp.

Việc tuyển chọn, bố trí nhân lực đầu vào đối với viên chức trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch còn nặng về vấn đề về bằng cấp, chưa được quy định quy trình tuyển chọn trong việc xét tuyển mang yếu tố về năng khiếu; tiền lương và các chính sách kèm theo đối với viên chức, người lao động trong những lĩnh vực đặc thù chưa cao, chưa tương xứng với mức độ công hiến.

Mức phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp chưa được quy định cụ thể để phù hợp với tình hình thực tiễn trong bối cảnh tiền lương của người nghệ sỹ, huấn luyện viên còn rất thấp, các ngành bậc, hạng diễn viên chưa được bố trí, xếp xếp một cách hợp lý, chưa đảm bảo mối tương quan về tiền lương và phụ cấp.

5. Việc xây dựng, cụ thể hóa chính sách tiền lương, thu nhập đối với viên chức lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc phạm vi quản lý, cơ quan, đơn vị đã ban hành, thực hiện những quy định cụ thể nào về tiền lương, thu nhập đối với viên chức lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch thuộc phạm vi quản lý.

Căn cứ Quyết định số 67/2008/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao; Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 17/2013/QĐ-UBND ngày 18/4/2013 về việc quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 03 tháng 8 năm 2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn”; Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh đã ban hành Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 Quy định mức hỗ trợ kiêm nhiệm cho người quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao và kinh phí duy trì, tổ chức hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Thể thao – Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn và Nhà văn hóa áp, Nhà văn hóa liên áp, Nhà văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, đã giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo đúng quy định.

III. Đánh giá chung

1. Mặt được

Chính sách tiền lương sau nhiều lần cải cách, nhất là từ lần cải cách chính sách tiền lương năm 1993 đến nay, đã từng bước đổi mới theo hướng thị trường. Cụ thể là:

- Đã ngày càng quan triệt hơn quan điểm cải cách chính sách tiền lương theo định hướng thị trường và đảm bảo công bằng xã hội trong điều kiện xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong từng giai đoạn phát triển; đặc biệt quan điểm coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực để phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng dịch vụ công, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Bộ máy Nhà nước.

- Tiền lương và thu nhập của viên chức có xu hướng tăng, đảm bảo ổn định đời sống và có phần được cải thiện.

2. Tồn tại

- Phân phối tiền lương và thu nhập trong khu vực hành chính nhà nước còn nhiều bất cập, cụ thể:

+ Chính sách tiền lương trong các đơn vị sự nghiệp hiện nay đặc biệt là lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, bao gồm hệ thống thang, bảng, ngạch, bậc lương và chế độ phụ cấp thực tế vẫn chưa đáp ứng theo tốc độ phát triển kinh tế xã hội, còn mang nặng tính bình quân, chưa đảm bảo sự công bằng; chưa phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm, còn nặng về bằng cấp và thâm niên.

+ Thiết kế hệ thống thang, bảng lương, mức lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo hệ số, chia ra nhiều bậc lương rất phức tạp, khoảng cách giữa các bậc về tiền lương rất nhỏ, có tính bình quân cao.

+ Tiền lương chưa tạo ra động lực đủ mạnh cho người hưởng lương phát huy tài năng và công hiến, thu hút nhân tài

+ Tuy chính sách tiền lương được điều chỉnh, nhưng chưa theo kịp sự phát triển của xã hội và giá cả thị trường nên cuộc sống của cán bộ công chức, viên chức, người lao động còn khó khăn.

+ Hiện có quá nhiều loại phụ cấp đang tồn tại, có người hưởng cùng một lúc nhiều loại phụ cấp. Phụ cấp đang chiếm tỷ lệ cao trong lương làm mất đi bản chất của tiền lương.

Từ những thực trạng nêu trên, việc cải cách chính sách tiền lương trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch là cần thiết giúp viên chức cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống tạo ra động lực gắn bó và công hiến lâu dài cho ngành.

IV. Kiến nghị đổi mới với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Những nội dung sửa đổi, ban hành quy định tiêu chuẩn chức danh, chức vụ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

1.1. Đối với viên chức lãnh đạo, quản lý

Kiến nghị xây dựng quy định tiêu chuẩn chức danh, chức vụ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch phải đáp ứng khung tiêu chuẩn chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý, cụ thể như sau:

a. Về chính trị tư tưởng: Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trong bất cứ tình huống nào, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Có tinh thần yêu nước nồng nàn, đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân; sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp của Đảng, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Yên tâm công tác, chấp hành nghiêm sự phân của của tổ chức và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

b. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật: Có phẩm chất đạo đức trong sáng; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Tâm huyết và có trách nhiệm với công việc; không tham vọng quyền lực, không háo danh; có tinh thần đoàn kết, xây dựng, gương mẫu, thương yêu đồng chí, đồng nghiệp. Bản thân không tham nhũng, quan liêu, cơ hội, vụ lợi và tích cực đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, lối sống cơ hội, thực dụng, bè phái, lợi ích nhóm, nói không đi đôi với làm; công bằng, chính trực, trọng dụng người tài, không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi. Tuân thủ và thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

c. Về trình độ: Có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

d. Về năng lực và uy tín: Có tư duy đổi mới, có tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo. Có khả năng phát hiện những mâu thuẫn, thách thức, thời cơ, thuận lợi, vấn đề mới, khó và những hạn chế, bất cập trong thực tiễn; mạnh dạn đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp phù hợp, khả thi, hiệu quả để phát huy, thúc đẩy hoặc tháo gỡ. Có năng lực thực tiễn, nắm chắc và hiểu biết cơ bản tình hình thực tế để cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực, địa bàn công tác được phân công; cần cù, chịu khó, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và vì nhân dân phục vụ. Có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo; gương mẫu, quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; được cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân tin tưởng, tín nhiệm.

e. Về sức khỏe, độ tuổi và kinh nghiệm: Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bồi nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định; có kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý.

1.2. Đối với viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy định tiêu chuẩn chức danh trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch cho phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể như sau:

- Chức danh Diễn viên hạng IV (Thông tư liên tịch 10/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 11/12/2015) tại tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng nên bổ sung thêm chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành: "*Trường hợp không qua đào tạo tại các trường chuyên nghiệp thì phải có chứng chỉ hoặc chứng nhận bồi dưỡng về nghiệp vụ chuyên ngành biểu diễn nghệ thuật do cơ quan có thẩm quyền cấp*".

Lý do: Đa số diễn viên nghệ thuật sân khấu cài lương tại đơn vị do không có chứng chỉ theo quy định nên không được xét tuyển mà phải thực hiện chế độ hợp đồng lao động (trái với quy định hiện nay), gây nên sự không gắn bó lâu dài với ngành; mặt khác các diễn viên chuyên về loại hình nghệ thuật cài lương hầu hết đã lớn tuổi khó khăn trong việc tham gia các khóa học dài ngày để được cấp chứng chỉ theo quy định, trong khi trong lĩnh vực nghệ thuật cần yêu tố năng khiếu và niềm đam mê là chính.

- Bổ sung thêm chức danh Huấn luyện viên hạng IV tại Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 17/10/2014 áp dụng cho những trường hợp không qua đào tạo tại các trường chuyên nghiệp nhưng có các chứng chỉ hoặc chứng nhận về lĩnh vực thể dục thể thao được Tổng cục thể dục thể thao hay các cơ sở đào tạo được công nhận cấp để thực hiện việc huấn luyện cho các vận động viên.

Lý do: hiện nay chức danh Hướng dẫn viên hạng IV chỉ thực hiện nhiệm vụ vận động, tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao. Trong khi đó tình hình thực tế tại tỉnh những hướng dẫn viên (hợp đồng lao động) đang thực hiện công tác huấn luyện cho vận động viên tham gia các giải thi đấu thể thao chuyên nghiệp, thành tích cao đa số không có bằng cấp hoặc có bằng cấp nhưng không thuộc chuyên ngành thể dục thể thao nhưng lại có chứng nhận, chứng chỉ về lĩnh vực thể dục thể thao và đã có thâm niên lâu năm dẫn dắt các vận động viên tham gia thi đấu. Do không có chức danh Huấn luyện viên hạng IV nên không thể thực hiện việc xét tuyển vào biên chế cho các đối tượng này.

2. Đề xuất xây dựng chính sách tiền lương đối với người làm việc trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (cơ sở đề xuất, nguyên tắc, nội dung, giải pháp)

a. Cơ sở đề xuất: Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp

b. Nguyên tắc, nội dung, giải pháp:

Thiết kế cơ cấu tiền lương mới gồm: Lương cơ bản (chiếm khoảng 70% tổng quỹ lương) và các khoản phụ cấp (chiếm khoảng 30% tổng quỹ lương). Bổ sung tiền thưởng (quỹ tiền thưởng bằng khoảng 10% tổng quỹ tiền lương của năm, không bao gồm phụ cấp).

Xây dựng, ban hành hệ thống bảng lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo thay thế hệ thống bảng lương hiện hành; chuyển xếp lương cũ sang lương mới, bảo đảm không thấp hơn tiền lương hiện hưởng, gồm:

+ Xây dựng 1 bảng lương chức vụ áp dụng đối với viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo nguyên tắc: Mức lương chức vụ phải thể hiện thứ bậc trong hệ thống bảng lương (giữ chức vụ lãnh đạo nào thì hưởng lương theo chức vụ đó, nếu một người giữ nhiều chức vụ thì hưởng một mức lương chức vụ cao nhất); giữ chức vụ lãnh đạo tương đương nhau thì hưởng mức lương chức vụ như nhau; mức lương chức vụ của người lãnh đạo cấp trên phải cao hơn mức lương chức vụ của người lãnh đạo cấp dưới; Quy định một mức lương chức vụ cho mỗi loại chức vụ tương đương; không phân biệt mức lương chức vụ khác nhau đối với cùng chức danh lãnh đạo theo phân loại đơn vị hành chính ở địa phương mà thực hiện bằng chế độ phụ cấp.

+ Xây dựng 1 bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp viên chức áp dụng chung đối với viên chức không giữ chức danh lãnh đạo; mỗi chức danh nghề nghiệp viên chức có nhiều bậc lương theo nguyên tắc: Cùng mức độ phức tạp công việc thì mức lương như nhau; điều kiện lao động cao hơn bình thường và ưu đãi nghề thì thực hiện bằng chế độ phụ cấp theo nghề; sắp xếp lại chức danh nghề nghiệp viên chức, khuyến khích viên chức nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức phải gắn với vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức do cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức thực hiện.

3. Đề xuất việc chuyển xếp lương từ bảng lương cũ sang bảng lương mới đối với người làm việc trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (cơ sở đề xuất, nguyên tắc, nội dung, giải pháp).

a. **Cơ sở đề xuất:** Nghị quyết số 27-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

b. **Nguyên tắc, nội dung, giải pháp:**

- Bãi bỏ mức lương cơ sở và hệ số lương hiện nay, xây dựng mức lương cơ bản bằng số tiền cụ thể trong bảng lương mới.

- Thực hiện thống nhất chế độ hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động (hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ) đối với những người làm công việc cộng tác viên trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, không áp dụng bảng lương viên chức đối với các đối tượng này.

- Xác định mức tiền lương thấp nhất của viên chức trong khu vực công là mức tiền lương của người làm công việc yêu cầu trình độ đào tạo trung cấp (bậc 1) không thấp hơn mức tiền lương thấp nhất của lao động qua đào tạo trong khu vực doanh nghiệp.

- Mở rộng quan hệ tiền lương làm căn cứ để xác định mức tiền lương cụ thể trong hệ thống bảng lương, từng bước tiệm cận với quan hệ tiền lương của khu vực doanh nghiệp phù hợp với nguồn lực của Nhà nước.

- Hoàn thiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức phù hợp với quy định của bảng lương mới.

4. Đề xuất các loại phụ cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch:

Phụ cấp nên đưa vào tiền lương: phụ cấp độc hại, nguy hiểm.

Đề xuất ban hành văn bản mới quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với viên chức công tác tại lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và nên đưa vào tiền lương nhằm tạo động lực cho viên chức toàn tâm công hiến cho sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch. Căn cứ đề xuất: có thể vận dụng Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập để xây dựng mức phụ cấp ưu đãi theo nghề.

Đề xuất ban hành văn bản điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối tượng huấn luyện viên được hưởng chế độ phụ cấp nguy hiểm và nên chế độ phụ cấp này vào tiền lương. Căn cứ đề xuất: Thông tư số 26/2006/TT-BVHTT ngày 21/02/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin Hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng bằng hiện vật đối với cán bộ, công chức, viên chức ngành văn hóa - thông tin.

5. Đề xuất khác

Hiện nay Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho viên chức chuyên ngành, cụ thể: Nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh, văn hóa cơ sở, di sản văn hóa, thư viện, thể dục thể thao. Tuy nhiên đối với viên chức thực hiện nhiệm vụ: phát hành phim và chiếu bóng, thông tin tư vấn du lịch, xúc tiến du lịch vẫn chưa có quy định về chức danh nghề nghiệp mà còn vận dụng, áp dụng chức danh viên chức hành chính. Đề xuất Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sớm ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các lĩnh vực nêu trên.

Trên đây là báo cáo rà soát, đánh giá việc thực hiện chính sách tiền lương trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch./.

Nơi nhận: *lq/*

- Bộ VHTTDL;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở VHTTDL;
- PVP Long, PVHXH;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh *M.Nhật*

5.



UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 1.1
(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

**THỐNG KÊ CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ HIỆN CÓ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
(DÀNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC TỈNH/THÀNH PHỐ VÀ TƯƠNG ĐƯỜNG)
(Kèm theo Báo cáo số 258 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ	Tổng số chức vụ lãnh đạo, quản lý	Phụ cấp chức vụ lãnh đạo	Trình độ chuyên môn			Hạng chức danh nghề nghiệp			Tuổi	Loại phụ cấp khác hiện hưởng	Ghi Chú												
				Tiến sỹ trở lên	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng trở xuống	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV													
								Dưới 40	Từ 40 đến 50	Từ 50 đến 60	Từ trên 60													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	Từ 40 đến 50	Từ 50 đến 60	Từ trên 60	Trên tuổi nghỉ hưu	Phụ cấp thâm niên vượt khung	Phụ cấp thâm niên nghề	Phụ cấp ưu đãi nghề	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp đặc hại, nguy hiểm	Phụ cấp biên giới	Phụ cấp khác (Nếu có)
1	Ban quản lý Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen																							
1.1	Trưởng ban	1	0.9					1		1								1						
1.2	Phó trưởng ban	1	0.7					1		1								1						
1.3	Trưởng phòng, ban và tương đương	2	0.5					2		2								2						
1.4	Phó trưởng phòng, ban và tương đương																							
2	Trung tâm Giáo dục và Dịch vụ và Môi trường riêng thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Lò gò - Xa mát																							
2.1	Giám đốc	1	0.5					1		1								1						
2.2	Phó giám đốc	1	0.3					1		1								1						
2.3	Trưởng phòng, ban và tương đương																							
2.4	Phó trưởng phòng, ban và tương đương																							
3	Ban Quản lý các khu di tích lịch sử cách mạng miền nam																							
3.1	Giám đốc	1	0.9					1		1								1						
3.2	Phó giám đốc	1	0.7					1		1								1						
3.3	Trưởng phòng, ban và tương đương	1	0.5					1		1								1						
3.4	Phó trưởng phòng, ban và tương đương																							
	TỔNG SỐ	9						2	7	0	1	7	0	1	5	3	0						0	

UBND TỈNH TÂY NINH

**THÔNG KÊ CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐÀO QUẢN LÝ HIỆN CÓ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**
(DÀNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯỜNG)
(Kèm theo Báo cáo số 257 /BC-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

KIỂU LỰC SỐ 1.2

STT	TIỀN CHỨC VII LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ	Tổng số chiến vụ lãnh đạo, quản lý	Trình độ chuyên môn			Hạng chức danh nghề nghiệp						Tuổi	Loại phụ cấp khác hiện hưởng									
			Tiền sỹ trật lein	Thạc sỹ	Cao đẳng trật đại	Hàng IV	Hàng III	Hàng II	Cao đẳng trật đại	Hàng IV	Hàng III			Từ 40 đến 50	Từ 50 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu	Phụ cấp thăm nhiệt vất khoa	Phụ cấp thăm nhiệt vất không khoa	Phụ cấp đặc biệt	Phụ cấp khác (Nếu có)	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	27	28
4.3	Trưởng phòng, ban và tương đương	2	0.3							2												
4.4	Phó trưởng phòng, ban và tương đương	2	0.2							1	1	1	1									
5	Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng																					
5.1	Giám đốc	1	0.6							1												
5.2	Phó giám đốc			Khuỷet																		
5.3	Trưởng phòng, ban và tương đương	3	0.3					1	2						3							
5.4	Phó trưởng phòng, ban và tương đương	3	0.2					3						3		2	1					
6	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao																					
6.1	Giám đốc	1	0.5					1							1							
6.2	Phó Giám đốc	3	0.3					1	2						2		1					
6.3	Trưởng phòng	2	0.25					1	1						2							
6.4	Phó trưởng phòng	3	0.15					2	1						2	1						
7	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch																					
7.1	Giám đốc			Khuỷet																		
7.2	Phó Giám đốc	3	0.6 (01 PGĐ phụ trách) 0.4					1	2					3		2	1					
7.3	Trưởng phòng			Khuỷet																		
7.4	Phó trưởng phòng			Khuỷet																		
	TỔNG SỐ	42						3	27	8	1	19	11	7	18	17	15		10			

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 1.3

(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

THỐNG KÊ CÁC CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ HIỆN CÓ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

KINH ĐẠO QUẢN LÝ HIỆN CÓ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC VÀN HỒNG
(Kèm theo Báo cáo số 255/B-C-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ	Tổng số chức vụ lãnh đạo, quản lý	Trình độ chuyên môn			Hạng chức danh nghề nghiệp			Tuổi			Loại phụ cấp khác hiện hưởng												
			Tiến sỹ trò lên	Thạc sỹ trò lên	Đại học	Cao đẳng trở xuống	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Dưới 40	Từ 40 đến 50	Từ 50 đến 60	Từ 60 đến 70	Từ 70 đến 80	Từ 80 đến 90	Từ 90 đến 100	PC dộc hai nguy hiểm	PC khác ...	Ghi chú				
1	V Huyện Bến Cầu	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	...	27	28
1	1 Trung Tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao																							
1.1	1 Cấp trưởng	1	0.3			1						1									1			
1.2	2 Cấp phó	2	0.2			2						2									2			
VI	VII Huyện Dương Minh Châu																							
1	1 Trung Tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao																							
1.1	1 Cấp trưởng	1	0.3			1			1			1									1			
1.2	2 Cấp phó	1	0.2			1			1			1									1			
VII	VIII Thành phố Tây Ninh																							
1	1 Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao																							
1.1	1 Cấp trưởng	1	0.4			1			1			1									1			
VIII	VIII Huyện Tân Châu																							
1	1 Trung Tâm Văn hóa - Thể thao																							
1.1	1 Cấp trưởng	1	0.3			1			1			1									1			
1.2	2 Cấp phó	1	0.2			1			1			1									1			
2	2 Thư viện																							
1.1	1 Cấp trưởng	1	0.3			1			1			1								1				
1.2	2 Cấp phó	1	0.2			1			1			1								1		1		
IX	IX Huyện Gò Dầu																							
	TỔNG SỐ	23	5			21	1		1	18	1	1	11	10	3						1			

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 2.1

(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

THỐNG KÊ CÁC CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Báo cáo số 258/UBC-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	Tổng số viên chức hướng lương theo CDNN	Trình độ chuyên môn			Hạng chức danh nghề nghiệp			Tuổi			Loại phụ cấp hiện hưởng			Ghi Chú (Nếu có)						
			Tiến sĩ trẻ len	Thạc sỹ	Bachelor	Hàng I	Hàng II	Hàng III	Hàng IV	Dưới 40	Từ 40 đến 50	Từ 50 đến 60	Tren tuổi nghỉ hưu	Phụ cấp ưu đãi nghề	Phụ cấp tham mưu	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp đặc biệt				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	... 27	28
8	Huyện Tân Châu	Không có																			
9	Huyện Gò Dầu																				
TỔNG SỐ		10		8	2					6	4	7	2	1	2	1	2				

Ghi chú: cột (16) đến (27) "Phụ cấp hiện hưởng": chỉ ghi số lượng người được hưởng vào từng loại phụ cấp. Loại phụ cấp bao gồm: Phụ cấp thâm niên vượt khung; Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; Phụ cấp đặc biệt; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp đặc biệt; Phụ cấp ưu đãi theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm theo nghề; Phụ cấp công việc; Phụ cấp khác (nếu có ghi rõ loại phụ cấp)

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SO 2.2

**THỐNG KÊ CÁC CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DƯ LỊCH**

(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

NH VỤC VĂN HÓA, THỂ THAO

(Kèm theo Báo cáo số 258 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	Tổng số viên chức hưởng lương theo CĐNN	Trình độ chuyên môn			Hạng chức danh nghề nghiệp			Tuổi			Loại phụ cấp hiện hưởng			Ghi chú						
			Tiến sỹ trao len	Bác sĩ	Cao đẳng trđ	Hàng I	Hàng II	Hàng III	Hàng IV	Trên tuổi nghỉ hưu	Trên 40 đến 50	Từ 35 đến 40	Trên tuổi nghỉ hưu	Phụ cấp ưu đãi nghề	Nếu có						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	... 27	28
	Không có																				
9	Huyện Gò Dầu																				
	TỔNG SỐ	18				5	13		4	14	8	5	5	1	4		17				

Ghi chú: cột (16) đến (27) "Phụ cấp hiện hưởng": chỉ ghi số lượng người được hưởng vào từng loại phụ cấp. Loại phụ cấp bao gồm: Phụ cấp thâm niên vượt khung; Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; Phụ cấp khu vực; Phụ cấp đặc biệt; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp đặc hại, nguy hiểm; Phụ cấp thâm niên nghề; Phụ cấp trách nhiệm theo nghề; Phụ cấp ưu đãi theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm theo nghị định; Phụ cấp khác (nếu có ghi rõ loại phụ cấp)

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 2.3

THÔNG KÊ CÁC CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Báo cáo số 253 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 2.4
(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

**THỐNG KÊ CÁC CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CHUYÊN NGÀNH: VĂN HÓA CƠ SỞ**

(Kèm theo Báo cáo số 258 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	Trình độ chuyên môn	Hạng chức danh nghề nghiệp		Tuổi	Loại phụ cấp được hưởng
			Tổng số viên chức hưởng lương theo CDNN	Tiến sỹ trờ lên		
1	2	3	4	5	6	7
I	Thuộc cấp tỉnh/thành phố				8	9
					10	11
					12	13
					14	15
					16	17
					18	19
					20	21
					22	23
					24	25
					26	27
					28	
II	Trung tâm Văn hóa tỉnh					
	Hướng dẫn viên	1		1		
					1	1
III	Thuộc cấp quận/huyện					
1	Huyện Tân Biên					
2	Không có					
2	Huyện Châu Thành					
3	Không có					
3	Huyện Trảng Bàng					
	Không có					

STT	TÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	Tổng số viên chức hướng lương theo CDNN	Trình độ chuyên môn	Hạng chức danh nghề nghiệp	Tuổi	Loại phụ cấp được hưởng							Ghi chú								
						Cao đẳng trào xuồng	Hàng I	Hàng II	Hàng III	Dưới 40	Từ 40 đến 50	Từ trên 50 đến 60	Tren tuổi nghỉ hưu	Phụ cấp ưu đãi nghề	Phụ cấp thăm khám nhanh	Phụ cấp thăm thường	Phụ cấp đặc biệt; ngày hiếu	Phụ cấp khác (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	27	28
4	Huyện Hòa Thành																				
	Phương pháp viên			2			2							1	1					1	
5	Huyện Bến Cầu																				
	Không có																				
6	Huyện Dương Minh Châu																				
	Không có																				
7	Thành phố Tây Ninh														1						
	Phương pháp viên		1			1															
8	Huyện Tân Châu																				
	Không có																				
9	Huyện Gò Dầu																				
	TỔNG SỐ		4			3	1					3	1	1	1	2	1		1		

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 2.5
(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

**THỐNG KÊ CÁC CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CHUYÊN NGÀNH: NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN VÀ ĐIỆN ẢNH**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 25/BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	Trình độ chuyên môn		Hạng chức danh nghề nghiệp	Tuổi	Loại phụ cấp được hưởng
		Tổng số viên chức hưởng lương theo CDNN	Tiến sỹ trở lên			
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng trở xuống	Hạng I
					Hạng II	Hạng III
					Hạng IV	Dưới 40
					Từ 40 đến 50	Từ trên 50 đến 60
					Từ 40 đến 50	Từ trên 50 đến 60
					Trên tuổi nghỉ hưu	Phụ cấp ưu đãi nghề
						Phụ cấp thâm niên vượt khung
						Phụ cấp thâm niên
						Phụ cấp trách nhiệm
						Phụ cấp đặc biệt, nguy hiểm
						Phụ cấp khác)nếu có)
						Ghi chú
I	Thuộc cấp tỉnh/thành phố	1	2	3	4	5
					6	7
					8	9
					10	11
					12	13
					14	15
					16	17
					18	19
					20	21
					22	23
					24	25
					26	27
					28	29
II	Thuộc cấp quận/Huyện	Diễn viên	2	2	2	1
I	Huyện Tân Biên					
	Không có					
2	Huyện Châu Thành					
	Không có					
3	Huyện Trảng Bàng					

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 2.6

(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

**THỐNG KÊ CÁC CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
CHUYÊN NGANH: MỸ THUẬT**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 258 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	Trình độ chuyên môn	Hạng chức danh nghề nghiệp	Tuổi	Loại phụ cấp được hưởng
1	Thuộc cấp tỉnh/thành phố				
1	Trung tâm Văn hóa tỉnh				
II	Hoa sỹ	1			
II	Thuộc cấp quận/huyện				
1	Huyện Tân Biên				
Không có					
2	Huyện Châu Thành				
Không có					
3	Huyện Trảng Bàng				
Không có					
4	Huyện Hòa Thành				
Không có					

STT	TÊN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	Tổng số viên chức hướng lương theo CDNN	Trình độ chuyên môn	Hạng chức danh nghề nghiệp	Tuổi	Loại phụ cấp được hưởng										Ghi chú					
						Phụ cấp ưu đãi nhẹ	Phụ cấp thăm mien	Phụ cấp vượt khung mien	Phụ cấp trách nhiệm	Phụ cấp đặc biệt; nugsy hiлем	Phụ cấp khác (nếu có)										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	27	28
5	Huyện Bến Cầu	Không có																			
6	Huyện Dương Minh Châu	Không có																			
7	Thành phố Tây Ninh	Không có																			
8	Huyện Tân Châu	Không có																			
9	Huyện Gò Dầu																				
	TỔNG SỐ	1														1	1	1			

UBND TỈNH TÂY NINH

(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

**THÔNG KÊ TIỀN LƯƠNG VÀ PHU CẤP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP
THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(DÀNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC TỈNH/ THÀNH PHỐ VÀ TƯƠNG ĐƯỜNG)
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 258 /BC-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHỤ LỤC SỐ 3.1

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng người trong đơn vị (tính đến 31/12/2018)		Tiền lương bình quân người/ năm (ngàn đồng)		Phụ cấp bình quân người/ năm (ngàn đồng)		Tổng quý tiền lương năm 2018 (ngàn đồng)		Tổng quý phụ cấp năm 2018 (ngàn đồng)		Thu nhập tăng thêm (ngàn đồng)	
		Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Mức thu nhập tăng thêm bình quân người/năm	Tổng quý thu nhập tăng thêm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Ban quản lý Khu dịch quốc gia núi Bà Đen	4	18	63,042	39,512	8,493	499	252,170	711,211	33,971	8,987	3,903	202,943
2	Trung tâm Giáo dục và Dịch vụ và Môi trường rừng thuộc Ban quản lý Vườn Quốc gia Lò gò - Xá mát	2	3	58,297	46,704	10,008	4,448	116,593	140,112	20,016	13,344	18,000	90,000
3	Ban quản lý các khu di tích lịch sử cách mạng miền Nam	3	10	83,812	49,788	15,012	3,336	251,436	497,883	45,036	33,360	7,070	91,904
TỔNG SỐ		9	31	205,151	136,004	33,513	8,283	620,199	1,349,206	99,023	55,691	28,973	384,847

UBND TỈNH TÂY NINH

PHỤ LỤC SỐ 3.2

(Dành cho các Bộ/ ngành/ địa phương)

THÔNG KÊ TIỀN LƯƠNG VÀ PHU CẤP TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP

THUỘC LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(DÀNH CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ/ NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯỜNG)

(Kèm theo Báo cáo số 253 /BC-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Số lượng người trong đơn vị (tính đến 31/12/2018)		Tiền lương bình quân người/năm (nghìn đồng)		Phu cấp bình quân người/năm (nghìn đồng)		Tổng quỹ tiền lương năm 2018 (nghìn đồng)		Tổng quỹ phu cấp năm 2018 (nghìn đồng)		Thu nhập tăng thêm (nghìn đồng)	
		Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Lãnh đạo, quản lý	Viên chức	Mức thu nhập tăng thêm bình quân người/năm	Tổng quỹ thu nhập tăng thêm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đoàn Nghệ thuật tỉnh	4	7	12,994	154,559	1,023	4,594	155,928	1,834,708	12,276	55,128	4,131	128,066
2	Thư Viện tỉnh	9	16	65,098	48,092	10,302	3,127	137,682	180,827	21,789	50,034	7,651	212,940
3	Bảo tàng tỉnh	3	18	88,704	67,029	16,766	4,731	265,112	1,029,115	50,298	85,158	12,990	363,739
4	Trung tâm Văn hóa tỉnh	5	15	59,404	41,650	7,261	664	297,023	624,759	36,308	9,960	51,278	111,684
5	Trung tâm Phát hành Phim và Chiếu bóng	7	5	6,698	48,898	1,299	4,289	80,773	586,773	15,388	51,468	6,428	90,000
6	Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	9	23	66,228	9,629	5,735	1,535	596,050	106,807	51,612	221,466	8,783	281,067
7	Trung tâm Thông tin xúc tiến du lịch	3	2	4,775	3,161	628	135	171,391	75,859	22,596	1,614	1,806	108,358
TỔNG SỐ		40	86	303,901	373,018	43,014	19,075	1,705,459	4,458,848	210,467	474,828	93,067	1,295,854